

Số: 158/YT

Đơn Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2024

## **BẢN CÔNG BỐ**

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành**

**Kính gửi: Sở Y tế Lâm Đồng**

Tên cơ sở công bố: **TRUNG TÂM Y TẾ ĐƠN DƯƠNG**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 610/LĐ- GPHĐ, do Sở Y tế Lâm Đồng, cấp ngày 10 tháng 11 năm 2017

Địa chỉ: Số 46 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BS CKII Đỗ Phú Nhựt

Điện thoại liên hệ: 02633847345

Email (nếu có): [ttytdonduong@gmail.com](mailto:ttytdonduong@gmail.com)

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:
    - Bác sỹ: Bác sỹ y khoa, Bác sỹ chuyên khoa, Bác sỹ y học cổ truyền, Bác sỹ y học dự phòng.
    - Điều dưỡng đa khoa, hộ sinh.
    - Kỹ thuật viên: hình ảnh y học, xét nghiệm y học, vật lý trị liệu.
    - Dược sỹ đại học, cao đẳng.
  2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: *(có phụ lục kèm theo)*
  3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Không
  4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 250 người
  5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 200.000 đồng/ người/ tháng
- Trung tâm Y tế Đơn Dương cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ**

**Đỗ Phú Nhựt**

**Phụ lục: DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Phạm vi hành nghề bổ sung	Văn bản phân công thực hiện DVKT ngoài phạm vi chuyên môn trên chứng chỉ hành nghề
	2	3	4	5	6	7	8
1	NGUYỄN HỮU BÓN	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa, Sản phụ khoa	000027/LĐ-CCHN	01/11/2012		
2	NGUYỄN ĐÌNH LONG	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	001209/LĐ-CCHN	25/11/2013		
3	MA HY TOUNEH ĐỊNH	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa; CKI Hồi sức cấp cứu	003138/LĐ - CCHN	30/06/2016	Hồi sức cấp cứu	QĐ 632/QĐ-SYT ngày 15/6/2020
4	PHẠM QUANG HÀ	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	003612/LĐ-CCHN	25/09/2017		
5	NAHRIA NGHIÊM	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa; CKI CDHA	0003817/LĐ-CCHN	22/08/2014	Chẩn đoán hình ảnh	QĐ 704/QĐ-SYT ngày 09/7/2020
6	LÊ ĐỨC MINH TRÍ	Bác sỹ; CKI YTCC	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường, xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	003866/LĐ-CCHN	05/07/2018		
7	GIA ĐẮM HẢO	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa; CKI CDHA	0003809/LĐ-CCHN	22/08/2014	Chẩn đoán hình ảnh	QĐ 421/QĐ-SYT ngày 13/4/2021
8	LÊ THỊ HỒNG	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa; CKI Nhân khoa	0002091/LĐ-CCHN	05/05/2014	Nhân khoa	QĐ 14/QĐ-SYT ngày 07/01/2020
9	NGUYỄN THỊ THU	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	001205/LĐ-CCHN	25/11/2013	Da liễu	QĐ 480/QĐ-SYT ngày 14/01/2017
10	NGÔ TRẦN KHÁNH DƯƠNG	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	003649/LĐ-CCHN	10/11/2017	Tai Mũi Họng	QĐ 311/QĐ-SYT ngày 18/01/2019
11	LÊ MINH QUỐC	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	003712/LĐ-CCHN	29/12/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	QĐ số 312/QĐ-SYT ngày 18/01/2019
12	DƯƠNG ĐÌNH QUANG	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa, Chuyên khoa Ngoại	0002429/LĐ-CCHN	10/11/2014	Ngoại	QĐ 93/QĐ-SYT ngày 23/01/2017
13	NGUYỄN VIỆT VƯƠNG	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa, Chuyên khoa Ngoại	0002884/LĐ-CCHN	20/07/2015	Ngoại	QĐ 66/QĐ-SYT ngày 17/01/2018
14	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa, Chuyên khoa Ngoại	0002092/LĐ-CCHN	05/05/2014	Chấn thương chỉnh hình	QĐ 541/QĐ-SYT ngày 26/5/2021
15	BÙI HỮU DƯ	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	0002886/LĐ-CCHN	20/07/2015		
16	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	003142/LĐ-CCHN	30/06/2016	Nhi	QĐ 1071/QĐ-SYT ngày 11/11/2020

17	NGUYỄN ANH ĐỨC	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	004090/LĐ-CCHN	29/03/2019		
18	Y YA KƠ TOUNEH	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa; CKI Lão khoa	001102/LĐ-CCHN	25/11/2013		
19	BƠ NA RIA RUTƠ	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	003513/LĐ-CCHN	19/06/2017		
20	VŨ VĂN NGÀ	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa; Siêu âm	0002882/LĐ-CCHN	20/07/2015		
21	TRẦN THỊ PHƯƠNG	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa, Sản phụ khoa	0002431/LĐ-CCHN	10/11/2014		
22	NGUYỄN VĂN THẮNG	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; CKI Sản phụ khoa	003825/LĐ-CCHN	28/5/2018	Sản phụ khoa	QĐ 536/QĐ-SYT ngày 26/5/2021
23	PHẠM LÊ LINH THUẦN	Bác sỹ	Y học cổ truyền	001104/LĐ-CCHN	25/11/2013		
24	LÊ MINH ĐƯỜNG	Bác sỹ	Y học cổ truyền	0002088/LĐ-CCHN	05/05/2014		
25	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Bác sỹ	Y học cổ truyền	004091/LĐ-CCHN	29/03/2019	Vật lý trị liệu- Phục hồi chức năng	QĐ 336/QĐ-SYT ngày 08/3/2021
26	SA HAO NHÃ	Bác sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; CKI PHCN	003304/LĐ-CCHN	19/01/2017	Phục hồi chức năng	QĐ 13/QĐ-SYT ngày 07/1/2020
27	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	Điều dưỡng viên	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT- BNV ngày 07 tháng 10	003185/LĐ-CCHN	20/09/2016		
28	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG	Điều dưỡng viên; CKI YTCC	Đa khoa	001100/LĐ-CCHN	25/11/2013		
29	VĂN THỊ THU THẢO	Điều dưỡng viên	Đa khoa	0002090/LĐ-CCHN	05/05/2014		
30	ĐẬU THỊ HUỆ	Điều dưỡng viên	Đa khoa	001108/LĐ-CCHN	25/11/2013		
31	NGÔ THANH THẢO	Điều dưỡng viên; CKI YTCC	Đa khoa	001098/LĐ-CCHN	25/11/2013		
32	VÕ THỊ MẾN	Điều dưỡng viên	Đa khoa	001217/LĐ-CCHN	25/11/2013		
33	ĐẶNG THỊ MAI HƯƠNG	Điều dưỡng viên	Đa khoa	0002880/LĐ-CCHN	20/07/2015		
34	CHU THỊ YÊN	Điều dưỡng viên	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	003611/LĐ-CCHN	25/09/2017		
35	LÊ THỊ THANH	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng Đa khoa	001107/LĐ-CCHN	25/11/2013		
36	VƯƠNG THỊ ĐÀO	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng Đa khoa	001109/LĐ-CCHN	25/11/2013		

37	NGUYỄN THỊ KHÁNH THUY	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng Đa khoa	001133/LĐ-CCHN	25/11/2013		
38	LÊ HỒNG CƯỜNG	Kỹ thuật viên	Hình ảnh y học	001214/LĐ-CCHN	23/05/2022		
39	LƯƠNG VĂN HOÀNG	Kỹ thuật viên	Xét nghiệm	001139/LĐ-CCHN	25/11/2013		
40	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Kỹ thuật viên	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 23/2009/TT-BYT ngày 01/12/2009 của Bộ Y tế	002423/HCM-CCHN	25/09/2012		
41	NGUYỄN THỊ ÁI VY	Kỹ thuật viên	Xét nghiệm	001116/LĐ-CCHN	08/10/2018		
42	NGUYỄN THỊ THANH THUY	Dược sỹ Đại học	Dược	696/LĐ-CCHND	4/4/2015		
43	LÊ THỊ BÍCH THUY	Dược sỹ Đại học	Dược	891/LĐ-CCHND	15/9/2015		
44	TRẦN THỊ HẠNH	Kỹ thuật viên	Gây mê Hồi sức	001117/LĐ-CCHN	25/11/2013		
45	TRỊNH THỊ MỸ UYÊN	Hộ sinh viên	Hộ sinh	001114/LĐ-CCHN	25/11/2013		
46	PHẠM NGUYỄN THANH HUYỀN	Hộ sinh viên	Hộ sinh	0002432/LĐ-CCHN	10/11/2014		
47	HỒ THỊ LAN	Hộ sinh viên	Hộ sinh	0002885/LĐ-CCHN	20/07/2015		
48	NGUYỄN MAI HẢI TRIỀU	Kỹ thuật viên	Vật lý trị liệu	001210B/LĐ-CCHN	25/11/2013		
49	LÊ VŨ NHẬT LINH	Kỹ thuật viên	Vật lý trị liệu	003187/LĐ-CCHN	20/09/2016		
50	TRẦN THỊ HÀ	Điều dưỡng viên	Y học cổ truyền	001216/LĐ-CCHN	25/11/2013		

**Người lập danh sách**

**Dương Thị Lan Thảo**

**Thủ trưởng đơn vị**



**Đỗ Phú Nhựt**

### Phụ lục 3

## DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(kèm theo Bản công bố số 158/YT ngày 05/3/2024 của Trung tâm Y tế Đơn Dương  
V/v công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào  
tạo khối ngành sức khỏe)

### 1. Đại học/ Cao đẳng/ Trung học: Nội khoa

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	2	
2	Máy tính (laptop)	1	
3	Máy chiếu	1	
4	Màn chiếu	1	
5	Bảng viết lớn	2	
6.	Âm thanh (bộ)	2	
7	Giường bệnh	104	05 giường cấp cứu
8	Phòng giao ban tại khoa phòng	1	
9	Bộ đo huyết áp	14	
10	Ống nghe	12	
11	Máy đo điện tim	5	
12	Đèn đọc phim	3	
13	Hô hấp ký	1	
14	Bơm tiêm điện		

### 2. Đại học/ Cao đẳng/ Trung học: Ngoại khoa

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	2	
2	Máy tính (laptop)	1	
3	Máy chiếu	1	
4	Màn chiếu	1	
5	Bảng viết lớn	2	
6	Giường bệnh + ghế răng	36	2 ghế răng
7	Phòng giao ban tại khoa phòng	1	
8	Bộ đo huyết áp	3	
9	Ống nghe	3	
10	Âm thanh (bộ)	2	
11	Đèn đọc phim	1	
12	Bàn mổ	2	

13	Phòng tiểu phẫu	1	
14	Phòng bó bột	1	
15	Máy cắt bột	1	

### 3. Đại học/ Cao đẳng/ Trung học: Sản khoa

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	2	
2	Máy tính (laptop)	2	
3	Máy chiếu	1	
4	Màn chiếu	1	
5	Bảng viết lớn	2	
6	Giường bệnh	36	
7	Phòng giao ban tại khoa phòng	1	
8	Bộ đo huyết áp	3	
9	Ống nghe	3	
10	Âm thanh (bộ)	2	
11	Bàn đẽ	3	
12	Bàn mổ	1	

**Phụ lục 1**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH  
(Tại 1 thời điểm)**

*(kèm theo Bản công bố số 158/YT ngày 05/3/2024 của Trung tâm Y tế Đơn Dương*

*V/v công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe)*

TT	Trình độ	Ngành, chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Đại học	Điều dưỡng	Nội khoa	Thực hành chăm sóc bệnh nhân nội khoa	CC - Hồi sức tích cực, chống độc	2	20	17	51
					Nội nhiễm	5	50	54	162
					Khám bệnh	2	20	8	24
					Nhi	4	40	33	99
					YHCT-PHCN	2	20	17	51
2	Đại học	Điều dưỡng/ Nữ hộ sinh	Ngoại khoa, sản phụ khoa	Thực hành chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa, sản phụ khoa	Ngoại LCK	3	30	28	84
					Phụ sản	2	30	36	108
3	Cao đẳng/ Trung học	Điều dưỡng/ Y sĩ	Nội khoa	Thực hành chăm sóc bệnh nhân nội khoa/Khám chữa bệnh tại tuyến cơ sở	CC - Hồi sức tích cực, chống độc	2	30	17	51
					Nội nhiễm	5	75	54	162
					Khám bệnh	2	30	8	24
					Nhi	4	60	33	99
					YHCT-PHCN	2	30	17	51
4	Cao đẳng/ Trung học	Điều dưỡng/ Y sĩ/ Nữ hộ sinh	Ngoại khoa, sản phụ khoa	Thực hành chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa/ sản phụ khoa/Khám chữa bệnh tại tuyến cơ sở	Ngoại LCK	3	45	28	84
					Phụ sản	2	30	36	108

**KẾ HOẠCH**  
**Hướng dẫn thực hành để cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh,  
chữa bệnh năm 2024**

Căn cứ Luật Khám bệnh, Chữa bệnh số 15/2023/QH15 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về thời gian, nội dung thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, Chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, Chữa bệnh;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định 131/2020/NĐ-CP ngày 02/11/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động Dược lâm sàng của cơ sở Khám chữa, Chữa bệnh;

Trung tâm y tế Đơn Dương xây dựng kế hoạch Hướng dẫn thực hành để cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh năm 2024 cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH**

- Tổ chức thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ sinh; Dược.

- Đảm bảo về thực hành kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Kịp thời đáp ứng chuẩn năng lực của bác sỹ như các kiến thức, kỹ năng được đào tạo tại các trường chuyên ngành y cho bác sỹ theo quy định.

**II. ĐỐI TƯỢNG**

- Bác sỹ: Bác sỹ y khoa, Bác sỹ chuyên khoa, Bác sỹ y học cổ truyền, Bác sỹ y học dự phòng.

- Y sỹ: Y sỹ đa khoa

- Điều dưỡng: Điều dưỡng đa khoa

- Hộ sinh: Hộ sinh



- Kỹ thuật y học: chuyên ngành xét nghiệm y học, hình ảnh y học, phục hồi chức năng

- Dược sỹ

### **III. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH.**

#### **3.1. Nội dung hướng dẫn thực hành.**

Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở chuẩn năng lực của y sĩ, bác sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y theo quy định.

#### **3.2. Thời gian thực hành**

<b>Stt</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Thời gian</b>
1	Bác sỹ	12 tháng
2	Y sỹ	09 tháng
3	Điều dưỡng	06 tháng
4	Nữ hộ sinh	06 tháng
5	Kỹ thuật y học	06 tháng
6	Dược sỹ	18 tháng

#### **3.2.1 Đối với bác sỹ có nhu cầu cấp Giấy phép hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đa khoa**

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh bác sỹ y khoa là 12 tháng được phân bố theo từng chuyên khoa như sau:

<b>Stt</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Khoa lâm sàng</b>	<b>Thời gian</b>
1	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức – Cấp cứu	3 tháng
2	Chuyên khoa Nội	Khoa Nội TH-Truyền nhiễm	1,5 tháng
3	Chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi	1,5 tháng
4	Chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại-LCK	1,5 tháng
5	Chuyên khoa Phụ sản	Khoa CSSKSS và Phụ sản	1,5 tháng
6	Chuyên khoa khác (tai mũi họng, răng hàm mặt, mắt, da liễu, phục hồi chức năng, y học cổ truyền,...)	Khoa khám bệnh, Khoa Ngoại – LCK, Khoa YHCT&PHCN	3 tháng

#### **3.2.2. Đối với bác sỹ có nhu cầu cấp Giấy phép hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa**

- Bác sỹ sau khi hoàn thành đào tạo, có văn bằng tốt nghiệp bác sỹ đa khoa tiếp tục học chuyên khoa tối thiểu 18 tháng và được cấp văn bằng chuyên khoa thì được thực hiện thủ tục đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa trong thời gian 24 tháng kể từ sau ngày được cấp văn bằng chuyên khoa mà không cần thực hành nhưng phải tham gia kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề và đạt kết quả kiểm tra. Nếu sau 24 tháng kể từ sau ngày được cấp văn bằng chuyên khoa thì phải thực hành lại về

chuyên khoa đó 12 tháng

- Bác sĩ sau khi có giấy phép hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, sau khi đi học chuyên khoa tối thiểu 18 tháng và được cấp văn bằng chuyên khoa thì được thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa trong thời gian 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa mà không cần thực hành và kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề. Nếu quá 24 tháng kể từ sau ngày được cấp văn bằng chuyên khoa thì phải thực hành lại về chuyên khoa đó 12 tháng

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh bác sĩ chuyên khoa là 12 tháng được phân bố theo từng chuyên khoa như sau:

Stt	Chuyên khoa	Khoa lâm sàng	Thời gian
1	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức – Cấp cứu	3 tháng
2	Chuyên khoa tương ứng với PVHĐCM đề nghị cấp GPHN	Khoa lâm sàng tương ứng với PVHĐCM	9 tháng

### **3.2.3. Đối với bác sĩ có nhu cầu cấp Giấy phép hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền**

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh bác sĩ y học cổ truyền là 12 tháng được phân bố theo từng chuyên khoa như sau:

Stt	Chuyên khoa	Khoa lâm sàng	Thời gian
1	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức – Cấp cứu	3 tháng
2	Chuyên khoa Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền	7 tháng
3	Dược cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền	2 tháng

### **3.2.4. Đối với bác sĩ có nhu cầu cấp Giấy phép hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng**

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh bác sĩ y học dự phòng là 12 tháng được phân bố theo từng chuyên khoa như sau:

Stt	Chuyên khoa	Khoa lâm sàng	Thời gian
1	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức – Cấp cứu	3 tháng
2	Đa khoa	Khoa Khám bệnh	8 tháng
3	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền	1 tháng

### **3.2.5. Đối với y sĩ có nhu cầu cấp Giấy phép hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đa khoa:**

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh y sĩ đa khoa là 09 tháng được phân bố theo từng chuyên khoa như sau:

Stt	Chuyên khoa	Khoa lâm sàng	Thời gian	
1	Chuyên khoa Hồi sức cấp	Khoa Hồi sức – Cấp	3 tháng	

	cứu	cứu		
2	Chuyên khoa Nội	Khoa Nội TH-Truyền nhiễm	2 tháng	Hoặc thực hành liên tục 06 tháng tại Trạm Y tế
3	Chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi	1 tháng	
4	Chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại-LCK	1 tháng	
5	Chuyên khoa Phụ sản	Khoa CSSKSS và Phụ sản	1 tháng	
6	Chuyên khoa khác (tai mũi họng, răng hàm mặt, mắt, da liễu, phục hồi chức năng, y học cổ truyền,...)	Khoa khám bệnh, Khoa Ngoại – LCK, Khoa YHCT&PHCN	1 tháng	

**3.2.6. Đối với điều dưỡng có nhu cầu cấp Giấy phép hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng đa khoa:**

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh điều là 06 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

Stt	Chuyên khoa	Khoa lâm sàng	Thời gian
1	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức – Cấp cứu	1 tháng
2	Tối thiểu 2 trong 4 chuyên khoa (Nội – Ngoại – Sản – Nhi) đảm bảo đủ 2 hệ Nội – Nhi và Ngoại – Sản, chia đều thời gian thực hành tại các chuyên khoa		5 tháng

**3.2.7. Đối với hộ sinh có nhu cầu cấp Giấy phép hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn Hộ sinh:**

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh hộ sinh là 06 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

Stt	Chuyên khoa	Khoa lâm sàng	Thời gian
1	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức – Cấp cứu	1 tháng
2	Chuyên khoa Phụ sản	Khoa Phụ sản	5 tháng

**3.2.8. Đối với kỹ thuật viên y có nhu cầu cấp Giấy phép hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn Kỹ thuật y học:**

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh kỹ thuật y là 06 tháng được phân bổ theo từng chuyên khoa như sau:

Stt	Chuyên khoa	Khoa lâm sàng	Thời gian
1	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức – Cấp cứu	1 tháng
2	Chuyên khoa tương ứng với PVHĐCM đề nghị cấp GPHN	Khoa tương ứng với PVHĐCM	5 tháng

**3.2.9. Đối với Dược sĩ:** Thời gian thực hành 24 tháng.

**3.3. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận:** 250 người

**3.4 Danh sách người tham gia hướng dẫn thực hành:** (phụ lục đính kèm)

**3.5 Địa điểm thực hành:**

Tại các khoa:

- Khoa Hồi sức - Cấp cứu: thực hành chuyên khoa Nội, hồi sức
- Khoa Nội TH - truyền nhiễm: thực hành chuyên khoa Nội
- Khoa Nhi: thực hành chuyên khoa Nhi.
- Khoa CSSKSS & Phụ sản: thực hành chuyên khoa Sản phụ khoa.
- Khoa Ngoại liên chuyên khoa: thực hành chuyên khoa Ngoại, TMH, RHM, mắt.
- Khoa Khám bệnh: thực hành chuyên khoa TMH, RHM, mắt, da liễu.
- Khoa YHCT&PHCN: thực hành chuyên khoa phục hồi chức năng, y học cổ truyền.

### **3.6 Kinh phí:**

- Các chi phí hướng dẫn thực hành và thể hiện rõ trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh.
- Chi phí bao gồm thù lao hướng dẫn, giảng dạy và quản lý: 200.000 VNĐ/tháng \* Thời gian thực hành.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

### **4.1. Ban Giám đốc**

- Ký phê duyệt kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề.
- Ký phê duyệt chương trình, tài liệu, hợp đồng thực hành, Quyết định phân công người hướng dẫn thực hành, Giấy xác nhận quá trình thực hành.
- Theo dõi, đôn đốc các khoa phòng liên quan thực hiện kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề.

### **4.2. Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ và Điều dưỡng**

- Xây dựng Kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hàng năm.
- Hướng dẫn các cá nhân có nhu cầu thực hành tại bệnh viện hoàn thành hồ sơ đăng ký: Đơn đề nghị thực hành theo mẫu 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, bản sao hợp lệ một trong các văn bằng chuyên môn quy định.
- Tham mưu phân công người hướng dẫn thực hành phù hợp về chuyên môn, năng lực của người hướng dẫn thực hành theo mẫu 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.
- Hoàn thành và trình Giám đốc ký hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với người thực hành theo mẫu 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

- Cung cấp hồ sơ gồm: Quyết định phân công người hướng dẫn thực hành, Sổ theo dõi thực hành cho các cá nhân thực hành tại trung tâm y tế Đơn Dương.

- Tổ chức tập huấn, đánh giá kết quả tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề cho cá nhân thực hành tại bệnh viện (16 buổi, mỗi buổi 4 tiết).

- Tổ chức tập huấn, đánh giá kết quả tập huấn các quy định về kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (4 buổi, mỗi buổi 4 tiết).

- Tổ chức sát hạch, đánh giá bảng báo cáo, thu hoạch của các cá nhân thực hành tại trung tâm y tế Đơn Dương.

- Phối hợp với phòng Tài chính kế toán xây dựng phương án thu, chi theo đúng quy định. Có trách nhiệm thông báo cho người được hướng dẫn thực hành các chi phí hướng dẫn thực hành.

- Tham mưu Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

- Gửi văn bản đăng lý danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP về Sở Y tế, trong đó phải nêu rõ thời gian bắt đầu thực hành và dự kiến thời gian kết thúc thực hành.

- Đăng tải danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh trên trang thông tin điện tử của cơ sở và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- Lưu giữ hồ sơ theo đúng quy định.

- Tổ Công nghệ thông tin: Chịu trách nhiệm đăng tải thông tin kế hoạch “Hướng dẫn thực hành để cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, KTV lên trang website của TTYT huyện.

### **4.3. Phòng tài chính kế toán**

- Lập quy chế thu chi tài chính phù hợp tình hình thực tế theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí để hướng dẫn thực hành; việc hoạch toán, thu chi, thanh quyết toán phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Trong trường hợp học viên không thực hiện đủ khóa học hướng dẫn thực hành thì sẽ không được hoàn trả tiền lại.

### **4.4. Các khoa, phòng có liên quan**

- Tạo điều kiện cho người thực hành hoàn thành nhiệm vụ và tham gia đầy đủ các buổi thực hành.

- Lãnh đạo khoa chịu trách nhiệm phân công người hướng dẫn thực hành đúng theo quy định của Bộ Y tế.

- Lãnh đạo khoa chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động khám chữa bệnh của các học viên và người hướng dẫn thực hành.

- Xây dựng nội dung thực hành theo khung quy định, trình Ban quản lý đào tạo phê duyệt.

- Phối hợp phòng KHNV&ĐD phân công người hướng dẫn thực hành và sắp xếp lịch thực hành theo đúng quy định.

- Phối hợp phòng KHNV&ĐD tổ chức sát hạch các cá nhân thực hành tại khoa/phòng.

- Phân công người chấm công cho cá nhân thực hành tại khoa/phòng theo đúng lịch thực hành.

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của học viên và gửi về phòng KHNV&ĐD. Đánh trình giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành và xác nhận hoàn thành quá thực hành phải bảo đảm khách quan, trung thực.

#### **4.5. Người hướng dẫn thực hành lâm sàng:**

- Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

- Phân công người chấm công cho cá nhân thực hành tại khoa/phòng theo đúng lịch thực hành.

- Có chứng chỉ hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành;

- Có trình độ tương đương hoặc cao hơn người thực hành;

- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên;

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành;

- Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành;

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình

- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn hoặc có lý do chính đáng khác, người hướng dẫn thực hành được quyền từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo phòng KHNV&ĐD để giải quyết

#### **4.6. Đối với người thực hành.**

- Tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Tuân thủ chặt chẽ quy chế chuyên môn của cơ sở thực hành và tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

- Người thực hành cần đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị, không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

- Tự túc hoàn toàn về các khoản kinh phí trong suốt quá trình thực hành.

Trên đây là kế hoạch thương dẫn thực hành để cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của trung tâm y tế huyện Đơn Dương. Đề nghị các khoa, phòng có liên quan nghiên cứu triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Sở Y tế (phòng NVY) ;
- Phòng TCHC, TCKT;
- Các bộ phận trực thuộc;
- Trang TTĐT TTYT;
- Lưu: VT, KHNV&ĐD.

**GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Phú Nhựt**

## Danh sách người hướng dẫn thực hành

(kèm theo kế hoạch số: 175 /KH-TTYT, ngày 27/3/2024 của Trung tâm Y tế huyện Đơn Dương)

STT	Người hướng dẫn thực hành	Bằng cấp chuyên môn	Số Giấy phép hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề tại cơ sở KCB (năm)	Nội dung hướng dẫn thực hành	Đối tượng hướng dẫn thực hành
1	Nguyễn Hữu Bôn	Bác sỹ	000027/LĐ-CCHN	11/01/2012	Lâm Đồng	Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh sản khoa.	20	Chuyên khoa Ngoại	Bác sỹ, y sỹ
2	Nguyễn Đình Long	Bác sỹ	001209/LĐ-CCHN	11/25/2013	Lâm Đồng	Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	31	Chuyên khoa Nội, Hồi sức	Bác sỹ, y sỹ
3	Ma Hy Touneh Định	Bác sỹ	003138/LĐ - CCHN	30/06/2016	Lâm Đồng	Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh HSCC.	10	Chuyên khoa Nội, Hồi sức	Bác sỹ, y sỹ
4	Phạm Quang Hà	Bác sỹ	003612/LĐ-CCHN	09/25/2017	Lâm Đồng	Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	9	Chuyên khoa Nội, Hồi sức	Bác sỹ, y sỹ
5	Nah Ria Nghiêm	Bác sỹ	0003817/LĐ-CCHN	08/22/2014	Lâm Đồng	Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Chẩn đoán hình ảnh.	11	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sỹ, y sỹ
6	Lê Đức Minh Trí	Bác sỹ YHDP; CKI YTCC	003866/LĐ-CCHN	07/05/2018	Lâm Đồng	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường, xử trí một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng.	8	Y tế dự phòng	Bác sỹ, y sỹ



7	Gia Đăm Hảo	Bác sỹ	0003809/LĐ-CCHN	08/22/2014	Lâm Đồng	Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Chẩn đoán hình ảnh.	12	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sỹ, y sỹ
8	Lê Thị Hồng	Bác sỹ	0002091/LĐ-CCHN	05/05/2014	Lâm Đồng	Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh mắt.	21	Chuyên khoa Mắt	Bác sỹ, y sỹ
9	Nguyễn Thị Thu	Bác sỹ	001205/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh da liễu	29	Chuyên khoa Da liễu	Bác sỹ, y sỹ
10	Ngô Trần Khánh Dương	Bác sỹ	003649/LĐ-CCHN	11/10/2017	Lâm Đồng	Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.. PVHĐCM BS: Tai mũi họng	9	Chuyên khoa Tai mũi họng	Bác sỹ, y sỹ
11	Lê Minh Quốc	Bác sỹ	003712/LĐ-CCHN	29/12/2017	Lâm Đồng	Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bác sỹ khám bệnh, chữa bệnh nội khoa. PVHĐCM BS: Răng hàm mặt	9	Chuyên khoa Răng hàm mặt	Bác sỹ, y sỹ
12	Dương Đình Quang	Bác sỹ	0002429/LĐ-CCHN	10/11/2014	Lâm Đồng	Khám chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	28	Chuyên khoa Ngoại	Bác sỹ, y sỹ

13	Nguyễn Việt Vương	Bác sỹ	0002884/LĐ-CCHN	20/07/2015	Lâm Đồng	Khám chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	21	Chuyên khoa Ngoại	Bác sỹ, y sỹ
14	Nguyễn Thành Luân	Bác sỹ	0002092/LĐ-CCHN	05/05/2014	Lâm Đồng	Khám chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh chấn thương chỉnh hình	12	Chuyên khoa Ngoại	Bác sỹ, y sỹ
16	Bùi Hữu Dur	Bác sỹ	0002886/LĐ-CCHN	20/07/2015	Lâm Đồng	Khám chữa bệnh đa khoa.	21	Chuyên khoa Nội	Bác sỹ, y sỹ
17	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Bác sỹ	003142/LĐ-CCHN	30/06/2016	Lâm Đồng	Khám chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	10	Chuyên khoa Nhi	Bác sỹ, y sỹ
18	Nguyễn Anh Đức	Bác sỹ	004090/LĐ-CCHN	03/29/2019	Lâm Đồng	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	18	Chuyên khoa Nhi	Bác sỹ, y sỹ
19	Y Ya Kơ Touneh	Bác sỹ	001102/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	21	Chuyên khoa Nội	Bác sỹ, y sỹ
20	Bơ Na Ria Ru Tơ	Bác sỹ	003513/LĐ-CCHN	06/19/2017	Lâm Đồng	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	9	Chuyên khoa Nội	Bác sỹ, y sỹ
21	Vũ Văn Ngà	Bác sỹ	0002882/LĐ-CCHN	20/07/2015	Lâm Đồng	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	21	Chuyên khoa Nội	Bác sỹ, y sỹ

22	Trần Thị Phương	Bác sỹ	0002431/LĐ-CCHN	10/11/2014	Lâm Đồng	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh phụ sản	28	Chuyên khoa Phụ sản	Bác sỹ, y sỹ
23	Nguyễn Văn Thắng	Bác sỹ	003825/LĐ-CCHN	28/5/2018	Lâm Đồng	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh phụ sản	20	Chuyên khoa Phụ sản	Bác sỹ, y sỹ
24	Phạm Lê Linh Thuần	Bác sỹ	001104/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	BS khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền	21	Chuyên khoa Y học cổ truyền	Bác sỹ, y sỹ
25	Lê Minh Đường	Bác sỹ	0002088/LĐ-CCHN	05/05/2014	Lâm Đồng	BS khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền	21	Chuyên khoa Y học cổ truyền	Bác sỹ, y sỹ
26	Nguyễn Thị Kim Liên	Bác sỹ	004091/LĐ-CCHN	03/29/2019	Lâm Đồng	BS khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền	19	Chuyên khoa Y học cổ truyền	Bác sỹ, y sỹ
27	Sa Hao Nhã	Bác sỹ	003304/LĐ-CCHN	01/19/2017	Lâm Đồng	BS khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, PVHĐCM BS: Khám bệnh, chữa bệnh Phục hồi chức năng	09	Chuyên khoa Phục hồi chức năng	Bác sỹ, y sỹ

28	Hoàng Thị Phương	Điều dưỡng viên	003185/LĐ-CCHN	09/20/2016	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	09	Điều dưỡng đa khoa	Điều dưỡng
29	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Điều dưỡng viên; CKI YTCC	001100/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	21	Điều dưỡng đa khoa	Điều dưỡng
30	Văn Thị Thu Thảo	Điều dưỡng viên	0002090/LĐ-CCHN	05/05/2014	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	11	Điều dưỡng đa khoa	Điều dưỡng

31	Đậu Thị Huệ	Điều dưỡng viên	001108/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	14	Điều dưỡng đa khoa	Điều dưỡng
32	Ngô Thanh Thảo	Điều dưỡng viên; CKI YTCC	001098/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	21	Điều dưỡng đa khoa	Điều dưỡng
33	Võ Thị Mến	Điều dưỡng viên	001217/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	20	Điều dưỡng đa khoa	Điều dưỡng

34	Đặng Thị Mai Hương	Điều dưỡng viên	0002880/LĐ-CCHN	20/07/2015	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	10	Điều dưỡng đa khoa	Điều dưỡng
35	Chu Thị Yên	Điều dưỡng viên	003611/LĐ-CCHN	09/25/2017	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	07	Điều dưỡng đa khoa	Điều dưỡng
36	Lê Thị Thanh	Điều dưỡng viên	001107/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	16	Điều dưỡng đa khoa	Điều dưỡng
37	Vương Thị Đào	Điều dưỡng	001109/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định	14	Điều dưỡng đa	Điều dưỡng

		viên				tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh		khoa	
38	Nguyễn Thị Khánh Thủy	Điều dưỡng viên	001133/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	20	Điều dưỡng đa khoa	Điều dưỡng
39	Lê Hồng Cường	Kỹ thuật viên	001214/LĐ-CCHN	05/23/2022	Lâm Đồng	Hình ảnh y học	06	Hình ảnh y học	KTV
40	Lương Văn Hoàng	Kỹ thuật viên	001139/LĐ-CCHN	11/25/2013	Lâm Đồng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 23/2009/TT-BYT ngày 01/12/2009 của Bộ Y tế ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kỹ thuật y học	18	Xét nghiệm	KTV
41	Nguyễn Thị	Kỹ	002423/HCM-	09/25/2012	TP Hồ Chí	Thực hiện phạm vi hoạt	12	Xét	KTV

	Ánh Tuyết	thuật viên	CCHN		Minh	động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 23/2009/TT-BYT ngày 01/12/2009 của Bộ Y tế ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kỹ thuật y học		nghiệm	
42	Nguyễn Thị Ái Vy	Kỹ thuật viên	001116/LĐ-CCHN	10/08/2018	Lâm Đồng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 23/2009/TT-BYT ngày 01/12/2009 của Bộ Y tế ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kỹ thuật y học	17	Xét nghiệm	KTV
43	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Dược sỹ Đại học	696/LĐ-CCHND	14/04/2015	Lâm Đồng	Dược	28	Dược	Dược
44	Lê Thị Bích Thủy	Dược sỹ Đại học	891/LĐ-CCHND	15/09/2015	Lâm Đồng	Dược	17	Dược	Dược
45	Trần Thị Hạnh	Kỹ thuật viên	001117/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	Gây mê Hồi sức	33	Gây mê Hồi sức	KTV
46	Trịnh Thị Mỹ Uyên	Hộ sinh viên	001114/LĐ-CCHN	25/11/2013	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số	21	Hộ sinh	Hộ sinh



						26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh			
47	Phạm Nguyễn Thanh Huyền	Hộ sinh viên	0002432/LĐ-CCHN	10/11/2014	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	18	Hộ sinh	Hộ sinh
48	Hồ Thị Lan	Hộ sinh viên	0002885/LĐ-CCHN	20/07/2015	Lâm Đồng	Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh	17	Hộ sinh	Hộ sinh
49	Nguyễn Mai Hải Triều	Kỹ thuật viên	001210B/LĐ-CCHN	11/25/2013	Lâm Đồng	Vật lý trị liệu	12	Vật lý trị liệu	Kỹ thuật viên
50	Lê Vũ Nhật Linh	Kỹ thuật	003187/LĐ-CCHN	09/20/2016	Lâm Đồng	Vật lý trị liệu	09	Vật lý trị liệu	Kỹ thuật

		viên							viên
--	--	------	--	--	--	--	--	--	------